

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Ông Trần Văn Bé Hai

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long:
không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 418/2020/TLST-HNGĐ ngày 1 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Khắc L, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ H trình bày như sau: Về hôn nhân chị H yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Khắc L; Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 17/01/2011 và Bùi Minh K2, sinh ngày 27/8/2012, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về

nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Về nội dung vụ án: Chị Trương Thị Mỹ H và anh Bùi Khắc L thống nhất được các vấn đề như sau:

Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn vào ngày 29/01/2010 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long, do quen biết, được cha mẹ hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Theo chị H vợ chồng sống với nhau được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân vào năm 2018 đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mất hạnh phúc của vợ chồng theo chị H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L ham chơi cờ bạc, thiếu nợ nhiều lần. Hơn nữa, anh L còn có nhiều hăm dọa đòi giết chị H và các con nên làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, chị H xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh L không còn nữa nên cương quyết ly hôn.

Đối với bị đơn anh L thì vợ chồng sống với nhau được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân vào năm 2018 đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mất hạnh phúc của vợ chồng theo anh L thì bản thân anh L thừa nhận lúc trước có ăn chơi cờ bạc nhưng hiện nay đã không còn ham chơi cờ bạc nữa, nợ nần thì cũng đã trả xong không còn thiếu nợ ai. Việc chị H trình bày anh L hăm dọa đòi giết chị H và các con thì anh L cũng thừa nhận là có nhưng do lúc đó trong người có rượu không làm chủ được hành vi của mình nên có xúc phạm đến vợ nhưng anh L đã biết lỗi và hối hận mong vợ tha thứ nhưng chị H vẫn không chịu đoàn tụ. Hiện nay anh L còn thương vợ, thương con mong muốn được đoàn tụ với chị H về vợ chồng lo cho các con.

Về con chung: Chị H và anh L trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 17/01/2011 và Bùi Minh K2, sinh ngày 27/8/2012. Hiện nay các cháu đang sống với chị H.

Về tài sản chung: Chị H và anh L thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh L thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ yêu cầu ly với anh L; Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi 02 cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 17/01/2011 và Bùi Minh K2, sinh ngày 27/8/2012, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh L không đồng ý ly hôn với chị H yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương vợ con. Nếu trường hợp Tòa án chấp nhận cho chị H ly hôn thì anh L đồng ý giao hai con chung là cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 17/01/2011 và Bùi Minh K2, sinh ngày 27/8/2012 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; Về tài

sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình không phải tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị H giữ yêu cầu ly với anh Bùi Khắc L; Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi 02 cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 17/01/2011 và Bùi Minh K2, sinh ngày 27/8/2012, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Khắc L không đồng ý ly hôn với chị Trương Thị Mỹ H yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương vợ con. Nếu trường hợp Tòa án chấp nhận cho chị H ly hôn thì anh L đồng ý và giao hai con chung là cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 17/01/2011 và Bùi Minh K2, sinh ngày 27/8/2012 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị H và anh L vợ chồng tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới hỏi đăng hoàng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L là có cơ sở xem xét.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo chị H là do anh L ham chơi cờ bạc, không lo làm ăn, không biết quan tâm chăm sóc vợ con, chị H có khuyên ngăn nhiều lần và chị H cho anh L nhiều cơ hội nhưng anh L không thay đổi. Thậm chí lúc uống rượu về là anh L có hành vi hăm dọa, bạo lực gia đình với chị H. Mặt khác, chị H khẳng định hiện tại đã không còn tình cảm vợ chồng với anh L nên cương quyết ly hôn.

Về phía anh L cũng thừa nhận là bản thân có ham chơi cờ bạc, không lo làm ăn, không qua tâm lo cho vợ và các con, nhưng hiện tại anh L đã biết lỗi lầm và đã quay về cố gắng bù đắp tình cảm với chị H mong muốn chị H tha thứ

về vợ chồng cùng nuôi dạy các con nhưng chị H vẫn không đồng ý tha thứ để vợ chồng trở về đoàn tụ.

Từ những lời trình bày của chị H và anh L cho thấy rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh L là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng mà vợ chồng trao đổi nhiều lần không sửa chữa được, nên không thể tiếp tục chung sống được nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ;

[2.2] Xét về con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị H giữ yêu cầu nuôi 02 cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 17/01/2011 và Bùi Minh K2, sinh ngày 27/8/2012, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay anh L đồng ý giao 02 con chung tên Bùi Minh K1, sinh ngày 17/01/2011 và Bùi Minh K2, sinh ngày 27/8/2012 cho chị H nuôi dưỡng.

Đồng thời tại bản khai ý kiến cùng ngày 11/11/2020 của cháu K1 và cháu K2 cùng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị H sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Trong vụ án này cháu K1 và cháu K2 đã trên 07 tuổi nên xét thấy cần phải xem xét nguyện vọng của cháu. Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H. Giao cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 17/01/2011 và Bùi Minh K2, sinh ngày 27/8/2012 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Xét về tài sản chung: Chị H và anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Chị H và anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Mỹ H phải nộp số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010481, ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trương Thị Mỹ H;
- Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Mỹ H được ly hôn với anh Bùi Khắc L;

- Về con chung: Giao hai cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 17/01/2011 và Bùi Minh K2, sinh ngày 27/8/2012 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Trương Thị Mỹ H và anh Bùi Khắc L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để xem xét

- Về nợ chung: Chị Trương Thị Mỹ H và anh Bùi Khắc L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để xem xét

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Mỹ H phải nộp số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010481, ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- Nơi đăng ký kết hôn: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Sương

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Kim Thanh Trần Văn Bé Hai

Nguyễn Thị Tuyết Sương